TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2018/HS-ST
Ngày: 31 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Lê Việt Long.

Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2018/TLST - HS ngày 10 ngày 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Đào Văn T**, sinh năm 1975 tại thành phố Hải Dương; nơi cư trú: 78 C, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị U; vợ là Hoàng Thị N (*tên gọi khác Hoàng Thị T)* (đã ly hôn).

Nhân thân: - Tại bản án số 64/HSST ngày 22/7/1992, TAND thị xã H, tỉnh Hải Dương xử phạt T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày 22/7/1992 về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

- Tại bản án số 12/STHS ngày 27/02/1993, TAND thị xã H, tỉnh Hải Dương xử phạt T 12 tháng tù, chuyển 09 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 64 ngày 22/7/1992 của TAND thành phố H thành 9 tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

- Tại bản án số 131/HSST ngày 18/7/1994, TAND tỉnh Hải Hưng xử phạt T 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

- Tại bản án số 135/HSST ngày 29/9/1997, TAND tỉnh Hải Dương xử phạt T 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

- Tại bản án số 16/STHS ngày 07/02/2002, TAND thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt T 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.500.000 đồng), T đã chấp hành xong phần án phí ngày 28/11/2005.

Tiền án: - Tại bản án số 74/2008/HSST ngày 21/4/2008 của Tòa án nhân dân TP. H xử phạt T 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (*bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2014*).

- Tại bản án số 189/2014/HSST ngày 09/12/2014 của Tòa án nhân dân TP. H xử phạt Tùng 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (*giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.140.000 đồng bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/7/2015*)

- Tại bản án số 37/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân TP. H xử phạt T 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (*giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.040.000 đồng)* (*bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm)*, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2018; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 27/7/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Trường S**, sinh năm 1987 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: 23B phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trắc S (đã chết) và bà Lưu Thị K; vợ Nguyễn Thị N có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không. *Nhân thân*: Tại bản án số 221/2009/HSST ngày 28/10/2009 của Tòa án nhân dân TP. H xử phạt S 07 năm 03 tháng tù về tội "Cướp tài sản" , bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/5/2015. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 27/7/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Phạm Đình C, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Đình T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/7/2018, Đào Văn T điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius mầu vàng đen (*xe của bạn T tên D, không rõ biển số và địa chỉ cụ thể*) đến nhà ở Nguyễn Trường S rủ S đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy để sử dụng chung. S đồng ý, điều khiển xe mô tô trên chở T mang theo 01 vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L, kích thước (15x 7) cm theo đường 391 xuống địa phận huyện T, tỉnh Hải Dương tìm tài sản để trộm cắp. Khoảng 13 giờ cùng ngày T và S đi đến nhà anh Phạm Đình C, quan sát thấy tại sân nhà anh C có 01 xe mô tô Yamaha Sirius, mầu sơn trắng- đen biển số 34P1- 009.47 không có người trông coi, S đỗ xe ở ngoài cảnh giới để T đi bộ vào sân nhà anh C lấy

trộm xe máy. T quan sát thấy xe máy của anh C dựng chân chống phụ, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa, T gạt chân chống, quay xe dong ra cổng nhà rồi nổ máy điều khiển xe máy của anh C cùng S đi về hướng xã T, huyện T qua thị trấn G huyện G, tỉnh Hải Dương về nhà S tại thành phố H. Về đến nhà S, T và S để xe máy tại tầng một nhà S, T dùng cờ lê có sẵn trong cốp xe tháo biển số xe mô tô Yamaha Sirius, mầu sơn trắng- đen biển số 34P1- 009.47 vất biển số ở khu vực ngoài đường trước cửa nhà S. Sau đó T điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius mầu vàng đen đến khu vực ga tầu Hải Dương trả cho bạn tên D. Khoảng 01 giờ ngày 25/7/2018, khi S đang dong xe máy đi bộ tại phường L, thành phố H thì bị Công an thành phố H kiểm tra lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng.

Ngày 25/7/2018 Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H chuyển toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện T, tỉnh Hải Dương để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, mầu sơn trắng- đen biển số 34P1- 009.47, có trị giá 14.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại cho người bị hại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt. Người bị hại là anh Phạm Đình C không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT -VKS-TK ngày 08/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Đào Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS); bị cáo Nguyễn Trường S về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 (đối với bị cáo Đào Văn T), khoản 1 Điều 173 (đối với bị cáo Nguyễn Trường S); các điều 17, 38, 58; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đào Văn T; áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trường S. Tuyên bố bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Trường S phạm tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 27 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam ngày 27/7/2018; xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S từ 14 tháng đến 17 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam ngày 27/7/2018; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 01 vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L, kích thước (15x7). Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo là đúng, bị cáo S xác định đã đứng ngoài cảnh giới để cho bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh C vào ngày 24/7/2018, như đã nêu trên và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất.

Tại đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt người bị hại trình bày đã nhận được toàn bộ tài sản do T và S chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường; về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 24/7/2018, tại sân nhà anh Phạm Đình C ở thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở anh C để xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, mầu sơn trắng - đen biển số 34P1- 009.47 trị giá 14.000.000 đồng tại sân, chìa khóa xe mô tô vẫn cắm tại ổ khóa điện không có người để ý, nên S đứng ở ngoài cổng cảnh giới để T lén lút đi vào trong sân trộm cắp chiếc xe mô tô trên.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, muốn có tiền tiêu sài cá nhân, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô trị giá 14.000.000 đồng là trái pháp luật. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận Đào Văn T, Nguyễn Trường S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 BLHS.

Trước khi phạm tội lần này bị cáo Đào Văn T đã bị các Tòa án xét xử cụ thể: Tại bản án số 74/2008/HSST ngày 21/4/2008, TAND thành phố Hải Dương xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (*bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2014*); Tại bản án số 189/2014/HSST ngày 09/12/2014 của Tòa án nhân dân TP. H xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (*giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.140.000 đồng)*(*bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/7/2015*); Tại bản án số 37/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân TP. H xử phạt T 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (*giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.040.000 đồng, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm)*, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2018. Tính đến thời điểm phạm tội lần này ngày 24/7/2018, bị cáo vẫn chưa được xóa án tích, phạm tội lần này do cố ý nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt

là "Tái phạm nguy hiểm". Như vậy, VKSND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương truy tố Đào Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Trường S phạm tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là phù hợp.

[3] *Về vị trí, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:* Các bị cáo có sự thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đều là người thực hành nhưng các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ với nhau, nên đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị công cụ, phương tiện và là người trực tiếp lấy tài sản nên giữ vai trò chính, bị cáo S là người điều khiển xe mô tô chở T đi trộm cắp tài sản, đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo T lấy tài sản nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo có nhân thân xấu: Bị cáo T đã 5 lần bị TAND xét xử về tội trộm cắp tài sản công dân vào các năm 1992, 1993, 1994, 1997 và năm 2002 bị TAND xét xử về tội trộm cắp tài sản; Bị cáo S: Tại bản án số 221/2009/HSST ngày 28/10/2009 của Tòa án nhân dân TP. H xử phạt T 07 năm 03 tháng tù về tội "Cướp tài sản", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/5/2015; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, người bị hại là Phạm Đình C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo T bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS với tình tiết định khung là "tái phạm nguy hiểm" tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá dưới 50.000.000 đồng nên thuộc trường hợp "gây thiệt hại không lớn" nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới có tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt và đấu tranh, phòng ngừa chung.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Anh C đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt, biển số xe mô tô bị mất, giá trị làm lại nhỏ, nên anh C không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho anh C 01 mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu sơn trắng đen; 01 cờ lê màu trắng bạc, 01 cờ lê màu xám, 01 thanh kim loại hình chữ L dài 05cm, hai đầu hình lục giác màu trắng bạc là đúng pháp luật. Đối với 01 vam phá khóa bằng kim loại hình

chữ L, kích thước (15x 7) cm là tài sản của bị cáo T dùng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[9] Đối với biển số 34P1-00947, sau khi trộm cắp xe mô tô T đã tháo vất đi, không xác định được vị trí; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

[10] Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu vàng, đen là xe do T mượn của bạn D (không rõ tên, năm, sinh, địa chỉ) mà T và S dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, sau khi thực hiện hành vi phạm tội T đã trả cho D nên chưa có căn cứ xác minh, làm rõ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] *Về các hành vi, quyết định tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tứ Kỳ, Điều tra viên; VKSND huyện Tứ Kỳ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS đối với bị cáo Đào Văn T; khoản 1 Điều 173 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trường S; các điều 17, 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Trường S; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đào Văn T .

1. Tuyên bố bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Trường S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1. Xử phạt bị cáo Đào Văn T 25 (Hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 27/7/2018.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 27/7/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch tiêu hủy 01 vam phá khóa bằng kim loại hình chữ L (*đặc điểm vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ).*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Các bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Trường S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- VKSND tỉnh Hải Dương
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tứ Kỳ
- Cơ quan Thi hành án HS - Công an huyện Tứ Kỳ
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ
- Sở tư pháp Hải Dương,
-Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tú